NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Tổng Chủ biên) – PHẠM ĐÌNH BÌNH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HUYỀN – NGUYỄN HẢI KIÊN

Mĩ thuật

3

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ ĐÔNG (Tổng Chủ biên) – PHẠM ĐÌNH BÌNH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HUYỀN – NGUYỄN HẢI KIÊN

Mĩ thuật 3

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Cánh Diều

Lời nói đầu

Ngày 26/12/2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kí Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm Chương trình tổng thể và 27 Chương trình môn học, hoạt động giáo dục, trong đó có Chương trình môn Mĩ thuật. Đây là căn cứ để các cơ sở giáo dục quản lí và tổ chức dạy học, đánh giá kết quả giáo dục trong nhà trường phổ thông theo định hướng giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đồng thời, các chương trình này cũng là cơ sở để các nhà xuất bản biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu thiết yếu.

Ngày 28/01/2022, Bộ sách giáo khoa lớp 3 "Cánh Diều" do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) tổ chức biên soạn, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kí Quyết định số 438/QĐ-BGDĐT Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Chúng tôi biên soạn *Mĩ thuật 3 – Sách giáo viên* nhằm tạo thuận lợi cho giáo viên trong tổ chức dạy học nội dung sách giáo khoa môn Mĩ thuật lớp 3 thuộc bộ sách "Cánh Diều". Cấu trúc và nội dung cuốn Mĩ thuật 3 – Sách giáo viên, gồm:

- **Phần một. Một số vấn đề chung về chương trình, nội dung sách giáo khoa, cấu trúc Mĩ thuật 3 – Sách giáo viên**

I. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình Mĩ thuật cấp tiểu học

II. Giới thiệu Chương trình Mĩ thuật lớp 3, nội dung sách giáo khoa Mĩ thuật 3, cấu trúc hướng dẫn dạy học các bài học Mĩ thuật 3 trong sách giáo viên

• **Phần hai. Hướng dẫn tổ chức dạy học sách giáo khoa Mĩ thuật 3**

Chủ đề 1. Sáng tạo cùng màu sắc

Chủ đề 2. Hình ảnh nổi bật

Chủ đề 3. Tạo dáng người động

Chủ đề 4. Sự kiện vui vẻ

Chủ đề 5. Sự kết hợp của các hình, khối khác nhau

Chủ đề 6. Những bề mặt khác nhau của vật liệu

Chủ đề 7. Cùng vẽ, in, nặn

Trong quá trình biên soạn không thể tránh khỏi thiếu sót, nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các giáo viên, cán bộ quản lí, các nhà chuyên môn và bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần in tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

Cánh Diều

Phần một

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA, CẤU TRÚC MĨ THUẬT 3 – SÁCH GIÁO VIÊN

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH MĨ THUẬT CẤP TIỂU HỌC

1. Mục tiêu Chương trình môn Mĩ thuật cấp tiểu học

Trong Chương trình giáo dục phổ thông, môn Mĩ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Cụ thể: Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở; Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp là cấp trung học phổ thông. Đối với cấp tiểu học, Mĩ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 5.

Chương trình môn Mĩ thuật tiểu học có mục tiêu: giúp học sinh bước đầu hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh cấp tiểu học

2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung trong dạy học mĩ thuật tiểu học

Dạy học mĩ thuật tiểu học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo). Các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung phù hợp với lứa tuổi học sinh ở từng cấp học được quy định trong Chương trình tổng thể 2018. Theo đó, trong dạy học mĩ thuật lớp 3, giáo viên cần căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung đối với cấp tiểu học[1] để đặt ra mục tiêu dạy học phù hợp với nội dung các chủ đề, bài học cụ thể trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3 và đặc thù của môn học. Qua đó, đóng góp vào việc

[1] *Xem mô tả biểu hiện của các phẩm chất, năng lực ở phần Phụ lục của sách.*

hình thành, phát triển các năng lực đặc thù khác (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thể chất) ở học sinh.

2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật đối với học sinh cấp tiểu học

Môn học Mĩ thuật trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thống nhất yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật ở ba cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) với ba thành phần: *Quan sát và nhận thức thẩm mĩ; Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ; Phân tích và đánh giá thẩm mĩ*. Các thành phần năng lực này là những biểu hiện của năng lực thẩm mĩ trong lĩnh vực mĩ thuật.

Đối với cấp tiểu học, yêu cầu cần đạt về các thành phần năng lực mĩ thuật cụ thể như sau:

THÀNH PHẦN NĂNG LỰC MĨ THUẬT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ	
Quan sát thẩm mĩ	– Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
Nhận thức thẩm mĩ	– Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống. – Biết liên tưởng vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ với thực hành sáng tạo.
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ	
Sáng tạo thẩm mĩ	– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.

THÀNH PHẦN NĂNG LỰC MĨ THUẬT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Ứng dụng thẩm mĩ	– Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ	
Phân tích thẩm mĩ	– Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
Đánh giá thẩm mĩ	– Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH MĨ THUẬT LỚP 3, NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 3, CẤU TRÚC HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC MĨ THUẬT 3 TRONG SÁCH GIÁO VIÊN

1. Một số vấn đề chung về chương trình Mĩ thuật lớp 3

1.1. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học môn Mĩ thuật lớp 3

Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật trong Chương trình Mĩ thuật lớp 3 tập trung vào một số thể loại mĩ thuật thuộc hai mạch nội dung *Mĩ thuật tạo hình* và *Mĩ thuật ứng dụng*, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên *yếu tố* và *nguyên lí tạo hình*, thông qua hoạt động thực hành, thảo luận và tiếp cận các chủ đề gắn với đời sống thực tiễn. Theo đó, nội dung các yêu cầu cần đạt và nội dung môn Mĩ thuật lớp 3 cụ thể như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
Mĩ thuật tạo hình	
• ***Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:*** – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. – Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp. – Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn. • ***Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:*** – Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo. – Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. – Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. – Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,... – Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm. – Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm. – Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo. • ***Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:*** – Trưng bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng. – Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mĩ thuật ở mức độ đơn giản.	• ***Yếu tố và nguyên lí tạo hình:*** Lựa chọn, kết hợp: *Yếu tố tạo hình* – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. *Nguyên lí tạo hình* – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. • ***Thể loại:*** Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mĩ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc. • ***Hoạt động thực hành và thảo luận:*** *Thực hành* – Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 3D. *Thảo luận* Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. • ***Định hướng chủ đề:*** Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG
Mĩ thuật ứng dụng	
• ***Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:*** – Hiểu được một số thao tác, công đoạn cơ bản để làm nên sản phẩm. – Nhận biết được tính chất tương phản của hình, khối ở sản phẩm thủ công. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: – Tạo được sản phẩm có sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản. – Tạo được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm bằng vật liệu sẵn có. – Thể hiện được chi tiết hoặc hình ảnh trọng tâm ở sản phẩm. – Vận dụng được sự khác nhau của chấm, đường hướng của nét để trang trí sản phẩm. – Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. • ***Phân tích và đánh giá thẩm mĩ:*** – Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng. – Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.	• ***Yếu tố và nguyên lí tạo hình:*** Lựa chọn, kết hợp: *Yếu tố tạo hình* – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. *Nguyên lí tạo hình* – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. • ***Thể loại:*** Thủ công Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. *Hoạt động thực hành và thảo luận:* Thực hành – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. *Thảo luận* Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của học sinh. *Định hướng chủ đề:* Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm.

Lưu ý: *Nội dung Lí luận và lịch sử mĩ thuật được lồng ghép trong thực hành, thảo luận mĩ thuật.*

1.2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Mĩ thuật lớp 3

Trong lập kế hoạch dạy học và tổ chức các hoạt động học của học sinh, giáo viên cần chú trọng một số điểm sau:

1.2.1. Dạy học kết hợp thảo luận nghệ thuật và thực hành nghệ thuật

Dạy học kết hợp lồng ghép hoạt động thực hành và hoạt động thảo luận là một trong những điểm nhấn về định hướng đổi mới phương pháp giáo dục trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018, nhằm hướng tới hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Dạy học kết hợp lồng ghép hoạt động thực hành với thảo luận là hình thức tổ chức cho học sinh kết hợp học tập cá nhân với học tập hợp tác trong luyện tập, thực hành sáng tạo và trao đổi, thảo luận. Quá trình học tập này bổ sung cho nhau để làm sâu sắc hơn việc học mĩ thuật của học sinh.

Theo đó, khi tham gia vào hoạt động thực hành kết hợp hoạt động thảo luận, học sinh đồng thời vừa làm quen với sáng tạo nghệ thuật, vừa thưởng thức nghệ thuật; góp phần phát triển khả năng cảm thụ thẩm mĩ và sáng tạo ở học sinh, cũng như giúp học sinh nuôi dưỡng tình yêu nghệ thuật và cuộc sống.

* Thảo luận nghệ thuật

Thảo luận nghệ thuật là hình thức học tập hợp tác giúp học sinh có thể:

– Quan sát, suy nghĩ và nói chuyện về sản phẩm và quá trình thực hành của mình.

– Tiếp cận và được trao đổi về các tác phẩm của nghệ sĩ và sự sáng tạo của họ.

– Khám phá, phát triển nhận thức, kĩ năng và tạo ra các ý tưởng cho sáng tạo nghệ thuật.

– Học cách mô tả, phân tích, giải thích và đánh giá hình ảnh trong các hình thức khác nhau.

– Phát triển nhận thức về vai trò của nghệ thuật trong đời sống xã hội; khả năng phản biện thẩm mĩ và giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

* Sáng tạo nghệ thuật

Tham gia vào quá trình sáng tạo nghệ thuật giúp học sinh có cơ hội:

– Tạo ra các sản phẩm mĩ thuật có thể biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, thể hiện sự hiểu biết và ý tưởng của mình theo các hình thức thực hành khác nhau.

– Tìm hiểu, khám phá, thử nghiệm nhiều hình thức, chất liệu, phương pháp thực hành.

– Học hỏi kinh nghiệm, học tập những ý tưởng từ bạn bè và người khác.

– Phát triển hiểu biết về nghệ thuật, khả năng thu nhận thông tin, giải quyết vấn đề và quyết định làm thế nào để thể hiện hình ảnh, ý tưởng trên sản phẩm của mình/của nhóm.

Trong tổ chức học sinh thảo luận kết hợp thực hành sáng tạo, giáo viên có thể vận dụng cách thức tổ chức dạy học như sau:

– Bố trí học sinh theo nhóm học tập, tuỳ vào nội dung và yêu cầu cần đạt để tổ chức học sinh thực hành tạo sản phẩm cá nhân hoặc phối hợp tạo sản phẩm nhóm.

– Giao nhiệm vụ thực hành cho cá nhân/nhóm; gợi mở nội dung trao đổi, thảo luận, chia sẻ, nêu vấn đề,... giữa các thành viên ở mỗi nhóm trong thực hành.

– Đánh giá mức độ làm việc của các thành viên trong mỗi nhóm hoặc toàn nhóm và giữa các nhóm, dựa trên nhiệm vụ học tập và yêu cầu cần đạt của từng hoạt động và nội dung bài học.

Lưu ý:

– Giáo viên cần gợi mở, khích lệ học sinh tham gia thảo luận, khuyến khích học sinh nêu ý kiến/vấn đề và lắng nghe chia sẻ của bạn. Các nội dung gợi mở, định hướng học sinh thảo luận, chia sẻ cần gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong mỗi hoạt động cụ thể (quan sát, nhận biết, thực hành, sáng tạo, nhận xét, cảm nhận,...); cũng như, góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất chủ yếu có thể được hình thành thông qua bài học và sản phẩm thực tế của học sinh.

– Đặc trưng của tổ chức dạy học kết hợp thảo luận và thực hành nghệ thuật là thông qua hoạt động nhóm học tập. Do vậy, giáo viên cần khai thác, sử dụng hiệu quả phương pháp tổ chức nhóm học tập (dạy học hợp tác) phù hợp với những thời điểm khác nhau trong tiến trình dạy học. Đồng thời, giáo viên cần kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức và các kĩ thuật dạy học, như: quan sát, trực quan, vấn đáp, gợi mở, nêu vấn đề, sử dụng tình huống có vấn đề, liên hệ thực tiễn; tổ chức trò chơi, vận dụng dạy học trải nghiệm,... và các kĩ thuật dạy học như: động não (công não); khăn phủ bàn (khăn trải bàn); sơ đồ tư duy; tia chớp; bể cá;...; cũng như có thể vận dụng một số hình thức tổ chức hoạt động như: vẽ cùng nhau và sáng tạo câu chuyện, xây dựng cốt truyện,...

1.2.2. Dạy học tích hợp

Dạy học tích hợp là dạy học theo định hướng phát triển ở học sinh khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập, cuộc sống và được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức, rèn luyện kĩ năng.

Có thể phân ra các kiểu tích hợp sau:

– Tích hợp nội môn là cách dạy học trong đó có những nội dung được thiết kế dựa trên hai hay nhiều phần của môn học với mục tiêu là nhận thức được hiện tượng

hay giải quyết được vấn đề dựa trên tích hợp và tổng hợp các kiến thức, kĩ năng từ các phần khác nhau của môn học. Theo phương pháp này, các môn vẫn được học riêng rẽ, nhưng trong quá trình giảng dạy, tích hợp được thực hiện thông qua việc loại bỏ những nội dung trùng lặp trong bản thân môn đó, khai thác sự hỗ trợ giữa các phân môn, giữa các phần trong một phân môn hay một môn học.

Trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3, nội dung các bài học được thiết kế tập trung vào một số hướng tích hợp như: *kết hợp tìm hiểu tác giả, tác phẩm với hình thành kiến thức, kĩ năng và vận dụng thực hành*; *kết hợp hình thức vẽ với xé, cắt, dán*; *kết hợp hình thức vẽ với in*; *kết hợp hình thức in với cắt, dán*,...

– Trong cách tiếp cận dạy học tích hợp liên môn, giáo viên kết nối các nội dung học tập của một số môn học khác để nhấn mạnh kiến thức, kĩ năng, bồi dưỡng phẩm chất,... phù hợp với môn học, chủ đề và bài học cụ thể, giúp học sinh nắm bắt được nội dung học tập trong mối quan hệ với các khái niệm, kĩ năng liên môn.

Ví dụ: Trong dạy học mĩ thuật, giáo viên có thể tích hợp liên môn với môn Tiếng Việt (sử dụng câu, từ để thể hiện cảm xúc, trao đổi, chia sẻ, viết lời yêu thương,...); môn Tự nhiên và Xã hội (khám phá kiến thức mĩ thuật trong tự nhiên, đời sống,...); môn Đạo đức (liên hệ hành vi, thái độ, ứng xử,... trong học tập, đời sống,....); môn Toán (vận dụng yếu tố hình, khối, kích thước, tỉ lệ,...); môn Giáo dục thể chất (tham gia trò chơi, hoạt động rèn luyện thân thể,...); môn Âm nhạc (liên tưởng lời hát với hình ảnh, cảm xúc,...).

– Tích hợp xuyên môn là cách dạy học các nội dung được hiểu và giải quyết vượt qua kiến thức và kĩ năng từng môn học, xem xét các vấn đề một cách toàn diện. Trong cách tiếp cận tích hợp xuyên môn, giáo viên tổ chức chương trình học tập xoay quanh các vấn đề và mối quan tâm của người học và xã hội; giúp học sinh phát triển các kĩ năng sống và áp dụng vào ngữ cảnh thực tế của cuộc sống.

Ví dụ: Có thể tích hợp giáo dục một số vấn đề như: ý thức tiết kiệm, bảo vệ môi trường, cảnh quan; an toàn giao thông; giữ gìn, phát huy nét đẹp văn hoá, phát triển nghề thủ công truyền thống,...

1.2.3. Dạy học mở, dạy học cá thể hoá hoạt động của học sinh và dạy học phân hoá

Dạy học mở, dạy học cá thể hoá hoạt động của học sinh và dạy học phân hoá là những cách tiếp cận dạy học hướng đến phát triển năng lực học sinh.

Nếu dạy học mở nhấn mạnh đến việc mở rộng tiếp cận nội dung dạy học, giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập bằng nhiều cách/nhiều con đường khác nhau và cùng hướng đến mục tiêu thì dạy học cá thể hoá hoạt động của học sinh cho phép tổ chức các hoạt

động học tập để cao tính độc lập, chủ động của học sinh trong học tập (cá nhân, nhóm); dạy học phân hoá là hướng đến thiết kế đa dạng mức độ, nhiệm vụ học tập để phù hợp với khả năng, phong cách học,... khác nhau của nhiều học sinh và cho phép học sinh (cá nhân, nhóm) được chọn cách học/cách giải quyết vấn đề theo sở thích, phù hợp với bản thân. Như vậy, có thể nói: dạy học mở, dạy học cá thể hoá hoạt động của học sinh và dạy học phân hoá là những "mắt xích" trong chuỗi tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học hướng đến phát triển năng lực học sinh.

Trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3, để tạo thuận lợi cho giáo viên thực hiện dạy học mở, dạy học cá thể hoá hoạt động của học sinh và dạy học phân hoá, mỗi chủ đề, bài học được thiết kế theo các hướng sau:

– *Tiếp cận kiến thức* từ nguồn thông tin, tư liệu khác nhau. Theo đó, việc tìm hiểu, khám phá kiến thức của bài học trong sách giáo khoa chủ yếu thông qua các hình ảnh (trong tự nhiên, trong đời sống và trong nghệ thuật như sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật). Từ đó, gợi mở giáo viên có thể mở rộng cách tiếp cận kiến thức từ những hình ảnh là vật/mẫu thật sẵn có,... hoặc sưu tầm thông qua nguồn lực tại địa phương hoặc sách, báo, phương tiện truyền thông, nguồn internet,... làm phong phú, hấp hấp hơn cho nội dung dạy học.

– *Thực hành/Giải quyết vấn đề, nhiệm vụ học tập* bằng nhiều cách/hình thức khác nhau. Với mỗi bài học trong sách giáo khoa, học sinh sẽ biết nhiều cách vận dụng kiến thức đã học vào thực hành, sáng tạo để đạt được mục tiêu. Học sinh được chọn cách theo ý thích/chọn đường đi phù hợp với khả năng của bản thân để về đích. Nhờ đó, học sinh sẽ được khám phá, trải nghiệm nhiều hơn trong học mĩ thuật; đồng thời, làm tăng thêm hứng thú học tập, kích thích khả năng tư duy độc lập, sáng tạo ở học sinh trong thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề trong học tập, thực hành.

Bên cạnh đó, giáo viên cũng được chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong tổ chức hoạt động cho học sinh tạo sản phẩm cá nhân hoặc sản phẩm nhóm phù hợp với thời điểm dạy học (chủ đề, bài học) và khả năng thực hiện của học sinh (cá nhân, nhóm) trong điều kiện dạy học cụ thể. Theo đó, giáo viên có thể mở rộng, phát triển ý tưởng dạy học, cũng như tạo sự hấp dẫn, bất ngờ với học sinh trong hoạt động thực hành nối tiếp ở các bài học khác nhau và thúc đẩy trí tò mò, khả năng tập trung ở học sinh khi thực hành, giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập.

1.2.4. Dạy học hướng đến những phong cách học và phát triển trí thông minh ở học sinh

Trước hết, cần chú trọng dạy học trải nghiệm với việc phối hợp, sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập phù hợp

với nội dung, điều kiện dạy học cụ thể (đối tượng học sinh, địa điểm, không gian,...), nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm và kích thích học sinh: *Sáng tạo từ quan sát*; *Sáng tạo từ trí nhớ*; *Sáng tạo từ tưởng tượng*.

Mặt khác, quá trình học của học sinh chính là sự tiếp nhận, tích luỹ thông tin từ nhiều kênh khác nhau, cũng như vận dụng những cách thức hoạt động khác nhau để xử lí thông tin và giải quyết vấn đề. Do vậy, trong việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học hình thành, phát triển năng lực học sinh, giáo viên có thể tham khảo, vận dụng một số phong cách, kênh học tập đa giác quan và phát triển trí thông minh ở học sinh. Cụ thể như sau[1]:

* *Phong cách học của từng học sinh*

– *Phong cách học toàn diện:* Học sinh thường chú ý đến cái chung, tổng thể và sự khái quát trước khi đi vào chi tiết. Những học sinh này thường thích làm việc theo nhóm, trong một không gian mở, hấp dẫn và không khí vui vẻ.

– *Phong cách học theo chuỗi tiến trình:* Học sinh thích tìm hiểu thông tin theo từng bước, từ chi tiết để hiểu được một tổng thể thống nhất; muốn những thông tin được trình bày theo một chuỗi trình tự và thích có sự xác định rõ cái gì đến trước, cái gì đến sau và cái gì quan trọng. Những học sinh này thường muốn làm việc một mình, trong một không gian yên tĩnh.

– *Phong cách học linh hoạt:* Học sinh thường biết điều chỉnh cách học của mình thích ứng với hoàn cảnh. Học sinh có khả năng kết hợp, xen kẽ giữa hai phong cách với nhau: phong cách học toàn diện và học theo chuỗi tiến trình để thích ứng được với môi trường và những con người trong tình huống học.

* *Kết hợp vận dụng các giác quan*

– *Giác quan thính giác:* Học sinh học tốt hơn bằng cách lắng nghe và thảo luận.

– *Giác quan thị giác:* Học sinh học tốt hơn thông qua nhìn/quan sát đối tượng.

– *Giác quan xúc giác:* Học sinh học tốt hơn khi làm việc bằng đôi tay của mình trong các hoạt động thực hành sáng tạo.

– *Giác quan vận động:* Học sinh học tốt hơn khi vận động cơ thể trong những tình huống cụ thể.

---

[1] *Theo Lí thuyết giáo dục về giảng dạy Mĩ thuật của tác giả Kirsten Fugl, Đại học Zealand – Đan Mạch, 2009; Tài liệu dạy học Mĩ thuật dành cho giáo viên tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án SAEPS, NXB Giáo dục, 2016.*

** Phát triển trí thông minh cho học sinh*

– Trí thông minh về ngôn ngữ: Học sinh có khả năng ghi nhớ từ ngữ, nhịp điệu của âm từ và nhớ mặt chữ nhanh hơn. Học sinh sở hữu trí thông minh này thường thích thú với việc thuyết trình, kể chuyện, viết, đọc sách, tranh luận,... và sử dụng lời nói trong giao tiếp.

– Trí thông minh về logic – toán học: Học sinh có khả năng làm việc với các con số, mô hình trừu tượng và suy luận, giải thích,... Học sinh sở hữu trí thông minh này sẽ có khả năng tính toán nhanh và giải quyết vấn đề bằng việc xác định nguyên nhân, chuỗi các sự kiện, tìm quy tắc dựa trên các khái niệm và tính logic.

– Trí thông minh về âm nhạc: Học sinh có khả năng cảm nhận, thưởng thức và tạo ra các tiết tấu, nhịp điệu. Học sinh sở hữu trí thông minh này thường ưa thích hoạt động với âm nhạc và tiếp thu bài học tốt hơn khi đọc thành lời hoặc biến thành giai điệu dễ nhớ.

– Trí thông minh về hình ảnh không gian: Học sinh có khả năng suy nghĩ, cảm nhận, lĩnh hội thông tin bằng hình ảnh và sử dụng hình ảnh để mô tả sự vật, hiện tượng,... Học sinh sở hữu trí thông minh này thường thích hoạt động với mĩ thuật và các lĩnh vực khác liên quan như: kiến trúc, nhiếp ảnh, thủ công,...

– Trí thông minh về vận động thể chất: Học sinh có khả năng vận động và điều khiển hoạt động cơ thể một cách khéo léo. Học sinh sở hữu trí thông minh này thường năng động và có xu hướng khoẻ mạnh hơn các bạn khác, thích đóng kịch, khiêu vũ, chơi thể thao và thể hiện bản thân, truyền đạt thông điệp bằng ngôn ngữ cơ thể.

– Trí thông minh về tương tác cá nhân: Học sinh có khả năng hiểu và giao tiếp được với người khác. Học sinh sở hữu trí thông minh này thường thích nói trước đám đông, dễ kết bạn, thích làm việc theo nhóm,... và dễ đạt được thành công trong cuộc sống.

– Trí thông minh về nội tâm: Học sinh có năng lực tự nhận thức về bản thân. Học sinh sở hữu trí thông minh này sẽ hướng nội, thích suy nghĩ và làm việc một mình, dễ hiểu rõ cảm xúc và biết yêu thương bản thân; có tính tự lập và tự giác tốt; muốn được tôn trọng, cần có không gian riêng và biết tự xác định mục tiêu cho riêng mình.

– Trí thông minh về thiên nhiên: Học sinh có khả năng nhận dạng và phân loại động vật, thực vật trong môi trường. Học sinh sở hữu trí thông minh này, thường thể hiện sự quan tâm đến động vật, thực vật và cuộc sống thiên nhiên; thích tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên, các loài động vật; thích trồng và chăm sóc cây cối.

Sách giáo viên Mĩ thuật lớp 1 và lớp 2 đã trình bày những nét đặc trưng của một số phương pháp, hình thức tổ chức, kĩ thuật dạy học trong dạy học mĩ thuật[1]. Trong đó, có những phương pháp, hình thức, kĩ thuật dạy học vừa đặc trưng trong giáo dục

mĩ thuật, vừa phổ biến trong giáo dục nói chung. Những phương pháp, hình thức, kĩ thuật này có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, chủ động; kích thích hứng thú, thúc đẩy nhận thức và phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo ở học sinh; giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật; cũng như góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung và đóng góp vào hình thành các năng lực đặc thù khác được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Quá trình dạy học là sự kết hợp nhiều phương pháp với các kĩ thuật và hình thức dạy học theo những cách khác nhau để phù hợp với nội dung, điều kiện dạy học và kinh nghiệm của giáo viên. Ví dụ: một số phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

– Phương pháp dạy học tích cực: quan sát, trực quan, vấn đáp, gợi mở, thực hành, luyện tập, tổ chức trò chơi học tập, học nhóm, liên hệ thực tế, đánh giá, sử dụng tình huống có vấn đề, nêu và giải quyết vấn đề, học theo dự án,...

– Kĩ thuật dạy học: động não, khăn phủ bàn, tia chớp, sơ đồ tư duy, phòng tranh, mảnh ghép, bể cá,...

1.3. Thiết bị dạy học môn Mĩ thuật lớp 3

1.3.1. Giới thiệu thiết bị dạy học môn Mĩ thuật trong Phòng học bộ môn[2]

– Giá vẽ, bảng vẽ cá nhân, kẹp giấy.

– Màu goát (gouache colour), bút lông, bảng pha màu (palet), xô đựng nước, tạp dề.

– Đất nặn, bộ công cụ thực hành với đất nặn.

– Các hình khối cơ bản.

1.3.2. Giới thiệu sử dụng thiết bị dạy học của một số môn học/hoạt động giáo dục khác vào dạy học môn Mĩ thuật lớp 3

Trong dạy học, giáo viên có thể sử dụng, khai thác một số đồ dùng, thiết bị dạy học của các môn học khác phù hợp với nội dung chủ đề, bài học trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3. Ví dụ:

– Bộ tranh và video/clip về: quê hương em; lòng nhân ái; đức tính chăm chỉ; đức tính trung thực; ý thức trách nhiệm;... (*môn Đạo đức*).

– Bộ tranh về gia đình và các thế hệ trong gia đình; nghề nghiệp của bố mẹ và nghề nghiệp phổ biến trong xã hội; các mùa trong năm; một số hiện tượng thiên nhiên

[1] *Giáo viên có thể nghiên cứu chi tiết nội dung một số phương pháp, kĩ thuật dạy học được trình bày cụ thể trong sách giáo viên Mĩ thuật lớp 1 và lớp 2, thuộc bộ sách Cánh Diều.*

[2] *Theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/12/2021 về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.*

thường gặp; bộ sa bàn giáo dục giao thông. Video/Clip về phong cảnh đẹp quê hương;... (*môn Hoạt động trải nghiệm*; *môn Tự nhiên và Xã hội*).

– Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối (*môn Toán*).

1.4. Đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật lớp 3

Giáo viên nghiên cứu và thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật của học sinh lớp 3 dựa trên Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học cũng như các hướng dẫn khác của Vụ Giáo dục Tiểu học (nếu có). Đồng thời, giáo viên cần căn cứ vào những định hướng trong Chương trình môn Mĩ thuật 2018. Khi thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật lớp 3, giáo viên lưu ý một số điểm sau:

1.4.1. Một số yêu cầu chung

– Nội dung, tiêu chí đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với chương trình môn Mĩ thuật lớp 3.

– Chú ý đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh trong học tập và những tình huống cụ thể trong thực tiễn, mức độ đơn giản.

– Không nên quá coi trọng mức độ học sinh hoàn thành sản phẩm, không nên so sánh giữa học sinh này với học sinh khác hoặc giữa các học sinh/nhóm học sinh.

– Đánh giá cần dựa trên năng lực và chính sự tiến bộ của mỗi học sinh/nhóm học sinh trong quá trình học tập, như: chuẩn bị bài học; quan sát, thực hành, thảo luận, hợp tác; chia sẻ ý tưởng, bày tỏ cảm xúc; nêu ý kiến và trả lời câu hỏi; trưng bày, thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật; tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; tham gia hoạt động mĩ thuật trong và ngoài nhà trường,... và sản phẩm cá nhân/sản phẩm nhóm.

– Đánh giá để giúp học sinh cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mĩ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá. Cần quan tâm đến những học sinh có sự khác biệt so với các học sinh khác về tâm lí, sở thích, khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin cho học sinh biết về thời điểm, hình thức, công cụ và các tiêu chí đánh giá.

– Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức đánh giá như: quan sát, đặt câu hỏi (theo các mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng); trao đổi, phỏng vấn, phiếu học tập, mô hình, bài kiểm tra,...

– Để thống nhất với việc lồng ghép, kết hợp hoạt động thực hành và thảo luận, trong đánh giá cần kết hợp đánh giá sản phẩm thực hành với nội dung bài viết (ít từ hoặc nhiều từ). Ví dụ: viết tên, lời giới thiệu, chia sẻ cảm nhận sản phẩm; nêu hình thức thực hành, giới thiệu màu thứ cấp, độ đậm nhạt của vật liệu, hình ảnh trọng tâm, sự tương phản của hình, khối,... và liên hệ sử dụng sản phẩm, tác phẩm vào đời sống thực tiễn,...

1.4.2. Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

– *Đánh giá kết quả hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mĩ:* Đánh giá khả năng quan sát, tham gia thảo luận, nêu và phản hồi ý kiến; khả năng cảm thụ thẩm mĩ, thu nhận (đọc, hiểu) thông tin ở đối tượng quan sát và chia sẻ hiểu biết, cảm nhận; khả năng liên hệ nội dung quan sát với trí nhớ, tưởng tượng và ý tưởng thực hành,... của học sinh.

– *Đánh giá kết quả hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:* Dựa trên sản phẩm và quá trình thực hành kết hợp tham gia thảo luận của học sinh. Trong đó, giáo viên chú ý đánh giá sự chia sẻ ý tưởng, khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, thực hiện hình thức thực hành và lựa chọn, sử dụng hoạ phẩm, công cụ, vật liệu sẵn có,...; khả năng làm việc độc lập và hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ; khả năng chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn,... của học sinh.

– *Đánh giá kết quả hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ:* Chú ý đánh giá khả năng cảm nhận thẩm mĩ thông qua trao đổi, phát biểu ý kiến và phản hồi; chia sẻ vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực hành và những điều học hỏi được từ bạn bè, từ sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật yêu thích; thể hiện tình cảm, thái độ, sự thẳng thắn và tôn trọng trong nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm thực hành; giới thiệu tác giả, thưởng thức sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của học sinh,...

– *Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất:* Dựa trên quá trình và ý thức học tập của học sinh, trong đó cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực gắn với môn học như: chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,...; bày tỏ cảm xúc, chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, biểu hiện thái độ, hành vi ứng xử trước đối tượng thẩm mĩ; thể hiện niềm tự hào về truyền thống văn hoá nghệ thuật của quê hương, đất nước; thẳng thắn trong chia sẻ, nhận xét kết quả học tập, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của bạn và người khác; ý thức làm đẹp cho bản thân và môi trường xung quanh,...

3. Giới thiệu nội dung sách giáo khoa Mĩ thuật 3, cấu trúc hướng dẫn dạy học các bài học Mĩ thuật 3 trong sách giáo viên

***3.1. Đặc điểm nội dung các chủ đề, bài học và dự kiến thời lượng dạy học*[1]**

ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CHỦ ĐỀ		ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CÁC BÀI HỌC		THỜI LƯỢNG
Chủ đề	**Kiến thức trọng tâm**	**Bài**	**Dạng bài**	**(dự kiến)**
Chủ đề 1 (*4 tiết*) Sáng tạo cùng màu sắc	Yếu tố màu sắc (màu thứ cấp, màu đậm, màu nhạt).	Bài 1: Những màu sắc khác nhau	Nhận biết, thực hành với màu thứ cấp.	2 tiết
		Bài 2: Sáng tạo với vật liệu có màu đậm, màu nhạt	Thực hành với vật liệu có màu đậm, màu nhạt.	2 tiết
Chủ đề 2 (*4 tiết*) Hình ảnh nổi bật	Hình ảnh nổi bật.	Bài 3: Sự thú vị của hình ảnh nổi bật	Nhận biết hình ảnh nổi bật và tập vận dụng vào thực hành.	2 tiết
		Bài 4: Đồ vật trong gia đình	Luyện tập, thực hành, vận dụng hình ảnh	2 tiết
Chủ đề 3 (*4 tiết*) Tạo dáng người động	Tạo được dáng người ở những tư thế khác nhau.	Bài 5: Hình dáng cơ thể em	Nhận biết đặc điểm hình dáng cơ thể người và tư thế tĩnh, động; tập thực hành.	2 tiết
		Bài 6: Trò chơi thú vị	Luyện tập, thực hành, vận dụng hình dáng người ở tư thế động.	2 tiết

[1] *– Căn cứ vào thực tế dạy học, giáo viên có thể điều chỉnh thời lượng mỗi chủ đề, bài học được đề xuất ở trên sao cho đạt được mục tiêu bài học đã đề ra (căn cứ theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018) và bảo đảm tổng thời lượng theo quy định là 35 tiết/năm học.*

– Nhà trường và giáo viên có thể sắp xếp lịch học luân phiên giữa các khối, lớp để có thể thực hiện dạy học với thời lượng 2 tiết liền nhau/buổi học/lớp học.

ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CHỦ ĐỀ		ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CÁC BÀI HỌC		THỜI LƯỢNG
Chủ đề	Kiến thức trọng tâm	Bài	Dạng bài	
Chủ đề 4 (*6 tiết*) Sự kiện vui vẻ	Màu thứ cấp; vật liệu có màu đậm, màu nhạt; hình ảnh nổi bật; hình ảnh động.	Bài 7: Thiệp chúc mừng	Luyện tập, thực hành, vận dụng hình ảnh nổi bật, đậm nhạt của chấm, nét,...	2 tiết
		Bài 8: Ngày hội ở trường em	Luyện tập, thực hành, vận dụng hình ảnh động, màu thứ cấp,...	2 tiết
		Bài 9: Cùng nhau ôn tập học kì 1	Màu thứ cấp; vật liệu có màu đậm, màu nhạt; hình ảnh nổi bật; hình ảnh động.	2 tiết
Chủ đề 5 (*4 tiết*) Sự kết hợp của các hình, khối khác nhau	Hình, khối có hình dạng, kích thước khác nhau.	Bài 10: Làm quen với hình tương phản	Nhận biết, thực hành tạo sản phẩm có hình tương phản về hình dạng, kích thước.	2 tiết
		Bài 11: Bạn rô-bốt của em	Nhận biết, thực hành tạo sản phẩm có khối tương phản về hình dạng, kích thước.	2 tiết
Chủ đề 6 (*4 tiết*) Những bề mặt khác nhau của vật liệu	Bề mặt mềm, mịn, thô ráp.	Bài 12: Tạo sản phẩm có bề mặt mềm mịn hoặc thô ráp	Nhận biết bề mặt mềm mịn, thô ráp và tập thực hành.	2 tiết
		Bài 13: Tạo hình trái cây từ đất nặn	Luyện tập, thực hành, vận dụng sáng tạo sản phẩm có bề mặt mềm mịn, thô ráp.	2 tiết
Chủ đề 7 (*9 tiết*) Cùng vẽ, in, nặn	Đặc điểm hình thức vẽ, in, nặn.	Bài 14: Gia đình thân yêu	Tạo sản phẩm về đề tài gia đình.	2 tiết
		Bài 15: Những khuôn in thú vị	In tạo sản phẩm tranh in.	2 tiết
		Bài 16: Em yêu thiên nhiên	Nặn tạo sản phẩm về đề tài thiên nhiên.	3 tiết
		Bài 17: Cùng nhau ôn tập học kì 2	– Hình, khối tương phản. – Bề mặt mịn, mềm, thô ráp. – Đặc điểm hình thức vẽ, in nặn.	2 tiết

3.1.1. Nội dung chủ đề

– Nội dung các chủ đề tập trung vào hai hướng sau:

+ Nhận biết, tìm hiểu kiến thức kết hợp luyện tập, vận dụng những điều đã học vào thực hành, sáng tạo, trao đổi, chia sẻ cảm nhận (*các chủ đề 1, 2, 3, 5, 6*).

+ Luyện tập, kết hợp những kiến thức, kĩ năng đã học, đã biết vào thực hành, sáng tạo, trao đổi, chia sẻ cảm nhận (*các chủ đề 4, 7*).

– Nội dung chủ đề gồm các dạng bài học:

+ Dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng và tập vận dụng vào thực hành, sáng tạo (*các bài 1, 2, 3, 5, 10, 11, 12*).

+ Dạng bài luyện tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, sáng tạo (*các bài 4, 6, 13*).

+ Dạng bài học kết hợp kiến thức, kĩ năng đã học, đã biết vào thực hành, sáng tạo (*các bài 7, 8, 14, 15, 16*).

3.1.2. Nội dung bài học

Nội dung các bài học trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3 tập trung vào một số dạng bài chủ yếu sau:

– Bài học ôn tập, củng cố những điều đã học (*các bài 9, 17*).

– Bài học tập trung nội dung mĩ thuật tạo hình (*các bài 1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 14, 15, 16*).

– Bài học tập trung nội dung mĩ thuật ứng dụng – thủ công (*các bài 2, 4, 7, 12*).

– Bài học tích hợp một số hình thức tạo hình: *vẽ, xé, cắt, dán* (các bài 1, 13); *cắt, dán* (các bài 2, 4); *vẽ, cắt, dán* (các bài 3, 10); *vẽ, cắt, xếp, ghép, dán* (Bài 5); *in, gấp, xé, dán, vẽ* (Bài 7); *vẽ, xé, xếp, dán* (Bài 8); *cắt, dán, ghép, nặn, vẽ* (các bài 11, 12); *gấp, cắt, ghép, vẽ* (Bài 14); *gấp, cắt, dán, in, vẽ* (Bài 15).

Cánh Diều

3.2. Cấu trúc hướng dẫn dạy học các bài học Mĩ thuật 3 trong sách giáo viên

CHỦ ĐỀ: ... (... tiết)
Bài: ... (... tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

3. Phẩm chất

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Quan sát, nhận biết

2. Thực hành, sáng tạo

3. Cảm nhận, chia sẻ

4. Vận dụng

Cánh Diều

Lưu ý:

– Mỗi hoạt động: *Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ; Vận dụng* được trình bày theo cấu trúc như sau:

• *Mục tiêu*

Mức độ đạt được của học sinh (nắm được kiến thức, cách thực hành, tạo được sản phẩm, chia sẻ được cảm nhận,...) thông qua nội dung hoạt động và hướng đến đạt mục tiêu bài học.

• *Gợi ý dạy học*

Hướng tổ chức dạy học phù hợp với nội dung và đạt mục tiêu của hoạt động, hướng đến mục tiêu bài học.

• *Gợi ý mở rộng*

Gợi ý thêm ý tưởng tổ chức dạy học. Ví dụ: liên hệ thực tiễn; sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức; sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học,... để phát triển nội dung bài học.

– Đối với hoạt động *Quan sát, nhận biết*

Sử dụng kênh hình kết hợp đặt câu hỏi, gợi mở học sinh tìm hiểu, khám phá, phát hiện kiến thức trọng tâm của bài học. Hình thức làm việc cá nhân và làm việc nhóm cần linh hoạt, phù hợp với mức độ nhiệm vụ/câu hỏi/vấn đề học tập,...; quy mô các thành viên trong nhóm cần linh hoạt (Ví dụ: nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4,...), quan tâm đến hướng dẫn học sinh tự đánh giá và tham gia đánh giá (trả lời, chia sẻ, nhận xét, bổ sung,...) theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

– Đối với hoạt động *Thực hành, sáng tạo*

+ Giáo viên cần căn cứ vào phân bố nội dung dạy học ở mỗi tiết để thiết kế hoạt động và giao nhiệm vụ thực hành, thảo luận cụ thể cho học sinh (cá nhân/nhóm).

+ Khi hướng dẫn học sinh cách thực hành: giáo viên cần chú trọng hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức trọng tâm của bài học (*màu thứ cấp/màu đậm, màu nhạt của vật liệu/hình ảnh nổi bật/hình tương phản về hình dạng, kích thước,...*) vào thực hành, sáng tạo sản phẩm; hướng dẫn, gợi mở học sinh chọn nội dung thể hiện và xác định hình ảnh chính, hình ảnh phụ,... trên sản phẩm.

+ Trong tổ chức học sinh thực hành, sáng tạo: giáo viên cần linh hoạt tổ chức học sinh tạo sản phẩm cá nhân/sản phẩm nhóm phù hợp với điều kiện dạy học, khả năng, tiến độ, sở thích của học sinh ở mỗi bài học và giao nhiệm vụ cụ thể: *thực hành* (cá nhân/nhóm); *trao đổi, chia sẻ* (nội dung thể hiện, ý tưởng thực hành, tham khảo, học hỏi từ bạn bè,...) để giúp học sinh làm quen với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng trong thực hành.

+ Trong quá trình học sinh thực hành, sáng tạo sản phẩm và tập trao đổi, chia sẻ, giáo viên cần quan sát, nắm bắt mức độ hiểu và thực hiện nhiệm vụ của học sinh để có thể hướng dẫn, trao đổi hoặc giải thích, gợi mở, hỗ trợ,... và giúp học sinh thực hiện tốt hơn. Đồng thời, giáo viên sử dụng thông tin nắm bắt được làm căn cứ để đánh giá học sinh.

– Đối với hoạt động *Cảm nhận, chia sẻ*

Giáo viên gợi mở nội dung học sinh trao đổi, chia sẻ cần vận dụng một số gợi ý trong sách giáo khoa và kết hợp với sản phẩm cụ thể của học sinh (cá nhân/nhóm). Nội dung gợi mở học sinh nêu/giới thiệu, chia sẻ, nhận xét,... cần chú ý đến kiến thức của

bài học (môn học), qua đó, giáo viên có thể nắm bắt được mức độ hiểu/nắm được nội dung bài học của học sinh và vận dụng vào đánh giá.

– Đối với hoạt động *Vận dụng*

Nội dung hoạt động Vận dụng trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3 nhằm gợi mở học sinh biết thêm ý tưởng thực hành, sáng tạo, liên hệ sử dụng sản phẩm mĩ thuật vào đời sống. Hoạt động này không bắt buộc dạy học trên lớp. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện thực tiễn, giáo viên có thể tổ chức thực hiện nội dung này theo một trong các hướng sau:

+ Hướng dẫn học sinh thực hiện ở lớp (nếu học sinh đã hoàn thành các nhiệm vụ của bài học nhưng vẫn còn thời gian).

+ Hướng dẫn học sinh thực hiện ở nhà (nếu học sinh thích và mong muốn thực hiện).

+ Tổ chức học sinh thực hiện vào buổi học thứ hai trong ngày.

+ Tổ chức học sinh thực hiện hoạt động trong câu lạc bộ ở trường,...

3.3. Một số lưu ý

3.3.1. Lưu ý khi lập kế hoạch bài học/kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài học là kịch bản tổ chức dạy học của mỗi giáo viên đối với đối tượng học sinh và nội dung dạy học cụ thể trong một điều kiện và không gian, thời gian dạy học cụ thể,... Vì vậy, đây là sản phẩm của cá nhân, cách trình bày giáo án (số cột, trình bày dài/ngắn,...) tuỳ thuộc vào người soạn. Không có kế hoạch bài học mẫu sử dụng chung cho tất cả giáo viên.

Bên cạnh đó, khi xây dựng/thiết kế các hoạt động dạy học, giáo viên cần chú ý tới:

– *Mục tiêu bài học:* năng lực mĩ thuật (kiến thức, kĩ năng trọng tâm), năng lực chung, năng lực đặc thù khác và phẩm chất chủ yếu (nêu một số biểu hiện chính, phù hợp với nội dung bài học).

– *Nội dung dạy học:* Cần xác định trọng tâm kiến thức của bài học (màu thứ cấp; màu đậm, màu nhạt của vật liệu; hình ảnh nổi bật; tư thế người ở dáng động/tĩnh; hình tương phản về hình dạng, kích thước; khối tương phản về hình dạng, kích thước; bề mặt chất liệu và sản phẩm mềm mịn hoặc thô ráp; đặc điểm hình thức vẽ, in, nặn).

Lưu ý: *Các chủ đề: Thiên nhiên, Con người, Con vật,... là "chất liệu/ngữ liệu" để khám phá, tìm hiểu, nhận biết kiến thức mĩ thuật.*

– *Thiết kế các hoạt động dạy học (quan sát, nhận biết; thực hành, sáng tạo, thảo luận; cảm nhận, chia sẻ; đánh giá)* cần nhất quán với mục tiêu, nội dung dạy học của bài học. Với mỗi nhiệm vụ học tập, cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

+ Giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, phù hợp với hình thức, nội dung, thời gian thực hiện, như: làm việc cá nhân; làm việc nhóm đôi, nhóm 3, nhóm 4,...; quan sát, tìm hiểu, trao đổi, yêu cầu thực hành sáng tạo sản phẩm bằng hình thức/vật liệu/hoạ phẩm,...

+ Tổ chức học sinh trình bày/chia sẻ, nhận xét câu trả lời, ý kiến của bạn và bổ sung (nếu cần).

+ Tóm tắt, nhận xét câu trả lời, ý kiến của học sinh.

+ Tổng hợp kiến thức, nội dung chính của hoạt động.

– *Điều kiện dạy học tiên quyết:* Xem xét các điều kiện về trường, lớp, sĩ số và khả năng chuẩn bị đồ dùng học tập, nhận thức của học sinh, nguồn vật liệu sẵn có ở địa phương,...

– *Đánh giá:* Vận dụng đánh giá thường xuyên (tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng) phù hợp với nội dung, thời điểm dạy học cụ thể.

3.3.2. Lưu ý khi tổ chức dạy học

Giáo viên là người tổ chức hoạt động, giao nhiệm vụ, nhận xét, hướng dẫn cách thực hiện, thị phạm minh hoạ, giải thích, phân tích, gợi mở, khích lệ, động viên học sinh,...; nắm bắt mức độ thực hiện nhiệm vụ và khả năng hoàn thành của học sinh; không áp đặt ý kiến; tôn trọng, khuyến khích học sinh chọn nội dung thể hiện, hình thức, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp để thực hành, thể hiện ý tưởng sáng tạo và lắng nghe những chia sẻ của học sinh.

– *Phương pháp dạy học:* Linh hoạt vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học. Vận dụng dạy học tích hợp, dạy học mở, phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh.

– *Hình thức tổ chức:* Linh hoạt tổ chức học sinh hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm phù hợp với nội dung, hoạt động cụ thể và điều kiện tổ chức dạy học (không gian, thời gian, vật liệu, hoạ phẩm,...).

– *Thực hiện đánh giá:* Vận dụng những cách khác nhau, như: quan sát, phỏng vấn, chia sẻ, phiếu học tập, bài tập cá nhân/nhóm, dự án học tập,...

Phần hai
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ, BÀI HỌC

Chủ đề 1. SÁNG TẠO CÙNG MÀU SẮC

Bài 1 NHỮNG MÀU SẮC KHÁC NHAU
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp học sinh đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

– Biết được màu thứ cấp và cách tạo ra các màu thứ cấp từ màu cơ bản. Bước đầu làm quen với tìm hiểu tác giả, tác phẩm mĩ thuật có sử dụng màu thứ cấp và biết được màu thứ cấp có ở xung quanh.

– Tạo được sản phẩm có các màu thứ cấp và tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh một số năng lực chung và năng lực ngôn ngữ, khoa học,... thông qua: trao đổi, chia sẻ trong học tập; biết được màu thứ cấp có thể tìm thấy trong tự nhiên và đời sống; sử dụng đồ dùng, vật liệu, hoạ phẩm,... phù hợp với hình thức thực hành, sáng tạo sản phẩm,...

3. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở học sinh đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái,... thông qua một số biểu hiện, như: có ý thức tìm hiểu vẻ đẹp của hình ảnh trong tự nhiên, đời sống và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, sản phẩm thủ công có các màu thứ cấp. Yêu thích, tôn trọng những sáng tạo của bạn bè và người khác.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Giáo viên xem mục *Chuẩn bị* trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3, có thể thay đổi hoặc bổ sung nội dung để phù hợp với ý tưởng dạy học và điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG

Giáo viên ổn định lớp, tạo tâm thế và kích thích hứng thú học tập ở học sinh:

– Cách 1: Giới thiệu 6 màu (sử dụng hình ảnh hoặc hộp màu, đất nặn,...): đỏ, vàng, lam, tím, xanh lục, da cam. Kết hợp nhắc lại màu cơ bản và giới thiệu nội dung bài học.

– Cách 2: Trò chơi: Viết tên các màu đã biết, kết hợp nhắc lại màu cơ bản và gợi mở nội dung bài học.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Quan sát, nhận biết (tr.5, 6 SGK)

1.1. Nhận biết màu thứ cấp và cách tạo các màu thứ cấp từ màu cơ bản (tr.5 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh biết được các màu thứ cấp và cách tạo các màu thứ cấp từ màu cơ bản.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, trao đổi, đọc tên các màu, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa.

– Giáo viên mời học sinh trả lời, chia sẻ; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét chia sẻ, trao đổi của học sinh.

– Giáo viên giới thiệu các màu thứ cấp, kết hợp nội dung giải thích thuật ngữ (tr.69 SGK) để giúp học sinh hiểu rõ hơn về các màu này.

c. Gợi ý mở rộng

Giáo viên có thể tạo màu thứ cấp bằng những cách sau:

– Sử dụng giấy bóng kính (loại giấy thường được dùng làm đèn ông sao) có màu cơ bản và chồng các màu theo cặp để tạo màu thứ cấp.

– Sử dụng 3 cốc nước lọc và 3 màu cơ bản. Pha màu đã có vào cốc nước với tỉ lệ tương đương theo từng cặp như sau: đỏ – vàng, lam – đỏ, vàng – lam. Kết quả sau khi pha trộn mỗi cặp màu này là các màu thứ cấp.

1.2. Tìm màu thứ cấp (tr.6 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh biết được màu thứ cấp có thể tìm thấy trong tự nhiên, đời sống và trong sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. Bước đầu tìm hiểu làm quen với tìm hiểu tác giả, tác phẩm mĩ thuật có sử dụng màu thứ cấp.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát hình ảnh, trao đổi, trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa.

– Giáo viên mời học sinh trả lời, chia sẻ; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét câu trả lời, chia sẻ, bổ sung của học sinh.

– Giáo viên giới thiệu thêm một số thông tin ở mỗi hình ảnh:

+ Hình 1: Tác phẩm được hoạ sĩ Phạm Viết Hồng Lam sáng tác năm 2019. Ông sinh năm 1946 tại Vinh. Bức tranh *Đan áo cho con* được cắt dán từ giấy với màu sắc tươi sáng, trong đó có màu da cam, màu tím là màu thứ cấp; màu đỏ, màu vàng, màu lam là màu cơ bản,... Bức tranh thể hiện tình yêu thương trong gia đình.

+ Hình 2: Một trong những món ăn truyền thống trong dịp lễ, tết của một số đồng bào dân tộc miền núi phía Bắc Việt Nam, như: dân tộc Tày, Nùng, Dao,... Màu của xôi được tạo từ nguyên vật liệu sẵn có trong tự nhiên, như: màu trắng là màu tự nhiên của gạo; màu xanh lục từ lá dứa, màu tím từ lá cẩm tím/cây cơm đen; màu vàng từ nghệ; màu da cam từ cây cơm đỏ hoặc quả gấc,...

→ Màu thứ cấp có sẵn trong tự nhiên, có thể tìm thấy trong món ăn và ở xung quanh chúng ta. Giáo viên kết hợp bồi dưỡng ở học sinh tình yêu quê hương đất nước, ý thức tìm hiểu, giữ gìn, phát huy truyền thống văn hoá dân tộc,... (vận dụng dạy học tích hợp xuyên chương trình).

+ Hình 3: Bức tranh của bạn Lê Trọng Khá – học sinh ở tỉnh Bạc Liêu – vẽ về một số đồ vật quen thuộc như: chai, lọ, ấm, kéo, ca uống nước,... bằng các màu chủ yếu là màu tím, màu da cam, màu xanh lục (xanh lá).

→ Có thể sử dụng màu thứ cấp để vẽ những đồ vật quen thuộc trong gia đình tạo bức tranh tĩnh vật và sử dụng để trang trí (bàn học, căn nhà, trường, lớp) hoặc sử dụng làm món quà (tặng bạn bè, người thân),...

c. Gợi ý mở rộng

– Giáo viên gợi mở học sinh giới thiệu màu thứ cấp trong các hình ảnh đã biết (thông qua quan sát, trí nhớ) ở trong lớp, trong trường, trên đường đi học, ở nhà,...

– Giáo viên giới thiệu thêm sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, sản phẩm thủ công có màu thứ cấp.

→ Tóm tắt nội dung quan sát và kiến thức chính của bài học, kết hợp câu kết luận trong sách giáo khoa.

2. Thực hành, sáng tạo (tr.6, 7 SGK)

2.1. Hướng dẫn cách thực hành (tr.6, 7 SGK)

2.1.1. Cách tạo màu thứ cấp (tr.6 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh biết được cách tạo các màu thứ cấp và đọc được tên các màu thứ cấp trong thực hành.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, trao đổi và nêu cách tạo màu thứ cấp từ cặp màu cơ bản.

– Giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hành: với mỗi cặp màu cơ bản, vẽ một lượt màu thứ nhất và chồng màu thứ hai lên, khi vẽ nên ấn bút nhẹ tay, chồng các nét màu sát nhau cho đến khi tạo ra màu tím (từ màu đỏ và màu lam), màu xanh lục (từ màu lam và màu vàng), màu da cam (từ màu vàng và màu đỏ).

c. Gợi ý mở rộng

Giáo viên có thể giới thiệu cách tạo màu thứ cấp từ màu goát (hoặc màu nước, đất nặn).

2.1.2. Cách tạo sản phẩm bằng màu vẽ, giấy màu (tr.7 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh nắm được cách thực hành sử dụng màu thứ cấp để tạo sản phẩm tĩnh vật lọ hoa hoặc quả, đồ vật theo ý thích.

b. Gợi ý dạy học

* Sử dụng màu sáp, màu nước hoặc bút dạ

– Giáo viên tổ chức học sinh quan sát, trao đổi và trả lời câu hỏi: Vẽ tranh bằng cách nào? Hình ảnh nào là chính, phụ? Bức tranh có những màu nào?

– Giáo viên mời học sinh trả lời, chia sẻ; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét trả lời, chia sẻ, bổ sung của học sinh; giới thiệu rõ hơn về hình ảnh chính, phụ và các màu có trong bức tranh.

Cánh Diều

– Giáo viên thực hiện trực tiếp hoặc trình chiếu (có thể dụng hình minh hoạ trong sách giáo khoa) để hướng dẫn học sinh cách vẽ tranh theo các bước sau:

+ Chuẩn bị: bút chì, bút màu, màu nước/màu goát (nếu dùng) hoặc màu sáp/màu dạ.

Lưu ý:

• Chọn các màu thứ cấp để vẽ là chính, có thể chọn thêm màu khác theo ý thích.

• Màu goát là màu đã pha sẵn nên có thể sử dụng để vẽ trực tiếp lên bài. Lấy một lượng màu vừa đủ, không nên lấy quá nhiều.

+ Bước 1: Vẽ hình ảnh yêu thích (lọ hoa, quả, ca, cốc,...) bằng nét bút chì (hoặc bút màu). Hình ảnh chính là lọ hoa vẽ ở trung tâm/khoảng giữa bức tranh (khổ giấy/trang vở). Các hình ảnh phụ là quả, hoa ở bên cạnh, có thể vẽ cách xa lọ hoa một chút. Hình ảnh phụ nên nhỏ hơn hình ảnh chính. Vẽ thêm nét cong (hoặc thẳng ngang) giống như lọ hoa và quả đang đặt trên bàn, phía sau là bức tường (hoặc cửa sổ,...).

+ Bước 2: Vẽ màu hình ảnh chính trước, dùng màu tươi sáng để thu hút người xem. Tiếp tục vẽ hình ảnh phụ và phần nền để hoàn thành bức tranh. Màu vẽ ở hình ảnh phụ không nên tươi sáng như màu ở hình ảnh chính, kết hợp màu đậm, màu nhạt.

Lưu ý:

– Giáo viên nhắc học sinh cần sử dụng màu thứ cấp nhiều hơn các màu khác.

– Giáo viên có thể thị phạm hướng dẫn vẽ Bước 1. Nếu dùng màu goát/ màu nước, giáo viên cần hướng dẫn học sinh cách pha màu, cách sử dụng bút lông và lấy lượng màu phù hợp để vẽ. Kết hợp nhắc học sinh chú ý đến giữ vệ sinh (trang phục, bàn ghế, sách vở, dụng cụ,...) trong và sau khi thực hành.

* Sử dụng giấy màu

– Giáo viên tổ chức học sinh quan sát, trao đổi và trả lời câu hỏi: Cách thực hành nào được sử dụng? Hình ảnh nào là chính, phụ? Bức tranh có những màu nào?

– Giáo viên mời học sinh trả lời, chia sẻ; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét câu trả lời, chia sẻ, bổ sung của học sinh; giới thiệu rõ hơn về hình ảnh chính, phụ và các màu có trong bức tranh.

– Giáo viên sử dụng hình minh hoạ trong sách giáo khoa để hướng dẫn học sinh cách thực hành (trực tiếp hoặc trình chiếu) theo các bước sau:

+ Chuẩn bị bút chì/bút màu, giấy màu, hồ dán, kéo.

Lưu ý: Chọn giấy có các màu thứ cấp là chính, có thể chọn thêm màu khác theo ý thích.

+ Bước 1: Vẽ hình ảnh yêu thích (ca, cốc, quả,...) bằng nét bút chì (hoặc bút màu). Hình ảnh chính vẽ trước, vẽ ở trung tâm bức tranh; vẽ thêm hình ảnh phụ. Hình ảnh chính vẽ to phù hợp với khổ giấy, hình ảnh phụ không nên to bằng hình ảnh chính. Vẽ thêm nét ngang ở bức tranh (hoặc nét cong) để tạo phần nền đặt cái ca và quả, phần nền còn lại là phía sau cái ca và quả.

+ Bước 2: Xé giấy hoặc cắt tạo hình ảnh chính, phụ, phần nền và dán hoàn thành bức tranh. Giấy để tạo hình ảnh chính cần tươi sáng, thu hút sự chú ý của người xem; giấy tạo hình ảnh phụ và phần nền không quá nổi bật. Các màu trong bức tranh cần có màu đậm, màu nhạt.

→ Tóm tắt nội dung thực hành: cách thực hành, chất liệu, vật liệu sử dụng, nội dung thể hiện,...

c. Gợi ý mở rộng

– Giáo viên có thể giới thiệu tranh tĩnh vật đơn giản về hình, bố cục (ảnh chụp hoặc tranh nguyên mẫu của hoạ sĩ/học sinh), có thể kết hợp vẽ với xé, dán hoặc in, nặn và sử dụng màu thứ cấp là chủ yếu. Giáo viên hướng dẫn học sinh giới thiệu màu thứ cấp trên sản phẩm, tác phẩm đã sưu tầm được.

– Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu mục *Một số sản phẩm tham khảo* (tr.8 SGK) theo gợi ý về nội dung, cách thực hành, màu sắc ở sản phẩm,...

2.2. Thực hành, sáng tạo sản phẩm

a. Mục tiêu

Học sinh tạo được sản phẩm có màu thứ cấp và tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên bố trí học sinh ngồi theo nhóm (có thể tạo sản phẩm cá nhân hoặc nhóm) và giao nhiệm vụ:

+ Vận dụng các cách thực hành đã học (tr.7 SGK) để tạo sản phẩm tranh tĩnh vật theo ý thích.

+ Tìm hiểu ý tưởng thực hành của bạn và chia sẻ ý tưởng của mình với bạn. Quan sát bạn thực hành, có thể học hỏi, tham khảo từ bạn,...

– Giáo viên nhắc học sinh tạo các hình ảnh như: lọ, quả, hoa, bát/chén, ca, cốc,... và sử dụng màu màu tím, màu xanh lục, màu da cam là chính và sử dụng thêm màu khác theo ý thích để hoàn thiện sản phẩm.

– Giáo viên quan sát học sinh thực hành, trao đổi để hướng dẫn, giải thích, gợi mở hoặc hỗ trợ học sinh (nếu cần) và vận dụng vào đánh giá thường xuyên.

Cánh Diều

c. Gợi ý mở rộng

Học sinh có thể kết hợp vẽ màu với xé, cắt dán hoặc tạo sản phẩm bằng đất nặn.

3. Cảm nhận, chia sẻ (tr.8 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên hướng dẫn học sinh trưng bày sản phẩm phù hợp với lớp học.

– Giáo viên nên sử dụng một số gợi ý trong sách giáo khoa và kết hợp sản phẩm của học sinh để gợi mở nội dung học sinh giới thiệu, trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận.

– Giáo viên nhận xét chia sẻ và kết quả thực hành của học sinh, khích lệ, động viên,... cá nhân/nhóm học sinh.

c. Gợi ý mở rộng

Giáo viên có thể gợi mở học sinh:

– Giới thiệu cách thực hành; chia sẻ mong muốn bổ sung thêm hoặc thay đổi hình ảnh, chi tiết,... ở sản phẩm.

– Chia sẻ ý tưởng sử dụng sản phẩm vào đời sống (trang trí làm đẹp cho gia đình, trường, lớp,...) hoặc dành tặng người thân.

4. Vận dụng (tr.8 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh biết thêm ý tưởng thực hành với màu thứ cấp và màu khác.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên tổ chức học sinh quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi (tr.8 SGK); gợi mở học sinh nhận ra nội dung chủ đề và các màu thứ cấp, màu khác trong mỗi bức tranh.

– Giáo viên nhận xét, tổng kết bài học/tiết học, kết hợp sử dụng câu kết luận (tr.8 SGK).

c. Gợi ý mở rộng

– Giáo viên nhắc học sinh quan sát, tìm màu thứ cấp ở xung quanh (trong thiên nhiên, đời sống,...).

– Giáo viên tham khảo gợi ý thực hiện nội dung *Đối với hoạt động Vận dụng*, tr.24 SGV sao cho phù hợp với thực tiễn dạy học.

– Giáo viên gợi mở nội dung và hướng dẫn học sinh chuẩn bị đồ dùng, vật liệu cho Bài 2.

Cánh Diều

Bài 2 SÁNG TẠO VỚI VẬT LIỆU CÓ MÀU ĐẬM, MÀU NHẠT

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Năng lực mĩ thuật

Bài học giúp học sinh đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

– Nêu được màu đậm, màu nhạt ở vật liệu sẵn có và cách tạo sản phẩm thủ công bằng vật liệu sẵn có.

– Tạo được sản phẩm có màu đậm, màu nhạt từ vật liệu sẵn có,... và tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm và nhận biết được màu đậm, màu nhạt trên sản phẩm của mình, của bạn và chia sẻ được cảm nhận.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học góp phần hình thành, phát triển ở học sinh một số năng lực chung và năng lực ngôn ngữ, tính toán,... thông qua: trao đổi, chia sẻ; xác định độ dài, rộng của nan giấy, khổ giấy dùng để làm nan đan, khung tranh để tạo sản phẩm có màu đậm, màu nhạt,...

3. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở học sinh đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm thông qua một số biểu hiện: có ý thức sưu tầm, chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,... phù hợp với bài học; yêu thích, tôn trọng những sản phẩm thủ công do bạn bè và người khác tạo ra; giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành,...

II. CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

Giáo viên xem mục *Chuẩn bị* trong sách giáo khoa Mĩ thuật 3, có thể thay đổi hoặc bổ sung nội dung để phù hợp với ý tưởng dạy học và điều kiện thực tiễn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. TỔ CHỨC KHỞI ĐỘNG

– Ổn định lớp, tạo tâm thế và kích thích hứng thú học tập ở học sinh.

– Sử dụng bảng màu/vòng tròn màu sắc gồm các màu cơ bản và thứ cấp hoặc chỉ có ba màu thứ cấp, gợi nhắc học sinh nêu tên các màu thứ cấp, màu cơ bản và giới thiệu màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt theo cảm nhận, kết hợp giới thiệu nội dung bài học.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Quan sát, nhận biết (tr.9, 10 SGK)

1.1. Trò chơi: Tìm màu đậm, màu nhạt (tr.9 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh chỉ ra được màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt và vận dụng vào thực hiện trò chơi.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hiện trò chơi được giới thiệu trong sách giáo khoa (nên tổ chức theo nhóm).

– Giáo viên giới thiệu học sinh/nhóm học sinh nêu kết quả trò chơi; học sinh/nhóm học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét học sinh/nhóm học sinh thực hiện trò chơi và kết quả. Gợi nhắc học sinh phân biệt 3 mức độ đậm nhạt: đậm, đậm vừa, nhạt trên các thẻ màu.

c. Gợi ý mở rộng

– Giáo viên có thể chuẩn bị các thẻ màu có hình dạng giống nhau hoặc khác nhau, như: bông hoa, lá cây, hình con vật, hình cơ bản,... và tổ chức học sinh chơi trò chơi "Tiếp sức" theo hình thức hoạt động nhóm.

– Giáo viên gợi mở học sinh quan sát xung quanh và chỉ ra hình ảnh/đồ vật, trang phục,... có xuất hiện ba mức độ đậm nhạt.

1.2. Tìm màu đậm, màu nhạt trên một số sản phẩm thủ công (tr.10 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh giới thiệu được vật liệu; màu đậm, màu nhạt xuất hiện trên một số sản phẩm thủ công.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát sản phẩm và trao đổi, trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa.

– Giáo viên mời học sinh trả lời; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét trả lời, chia sẻ, bổ sung của học sinh.

– Giáo viên giới thiệu một số thông tin về mỗi sản phẩm.

+ Hình 1: Giỏ/Làn, có dạng hình khối hộp, có thể dùng để đựng các đồ vật có trọng lượng nhẹ, như: cuộn len, bút màu, đất nặn,... Chất liệu: bìa giấy (đã qua sử dụng). Trên sản phẩm có màu xanh là màu đậm, màu đỏ là màu đậm vừa, màu trắng là màu nhạt.

+ Hình 2: Khung bằng bìa giấy (vỏ hộp giấy, thùng giấy,...). Khung có dạng hình chữ nhật. Toàn bộ khung có màu đậm vừa, kết hợp trang trí ở 4 góc bằng màu đậm của sợi len và trang trí ở khung bằng hình elip như cánh hoa/lá cây cắt từ giấy, lõi giấy vệ sinh có màu nhạt. Sản phẩm có thể được sử dụng làm khung tranh, khung ảnh,... treo trên tường, đặt ở góc học tập,...

+ Hình 3: Đồ dùng sử dụng trong bếp, như: lót tay (để cầm, giữ,... xoong, nồi, ấm,... đang nóng) hoặc dùng để lót (để đặt một số đồ vật như: cốc nước/bát/chén,...) – giáo viên có thể giới thiệu hình 2 ở mục *Vận dụng* (tr.12 SGK). Chất liệu: sợi vải/vải nỉ (có thể dùng sợi len, sợi đay,...). Trên sản phẩm có màu xanh là màu đậm, màu vàng là màu nhạt.

c. Gợi ý mở rộng

– Giáo viên có thể giới thiệu một số sản phẩm đan thủ công được làm từ vật liệu có màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt, như: thảm, khăn, mũ, gùi, túi xách, rổ, rá,...; kết hợp giới thiệu nghề đan (mây, tre, len, sợi nhựa/nilon,...) ở quê hương hoặc nơi khác.

– Giáo viên có thể giới thiệu một số khung làm bằng giấy báo, bìa giấy, cành cây, ống hút, vỏ sò/ốc,... và nên có thêm ảnh/tranh ở trong khung.

→ Giáo viên tóm tắt nội dung quan sát, nhấn mạnh đến độ đậm, nhạt của vật liệu, kết hợp với kết luận trong sách giáo khoa.

2. Thực hành, sáng tạo (tr.10, 11 SGK)

2.1. Hướng dẫn cách thực hành (tr.10, 11 SGK)

2.1.1. Đan nong mốt (tr.10 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh biết được cách đan nong mốt bằng nan giấy có màu đậm, màu nhạt từ vật liệu sẵn có.

b. Gợi ý dạy học

– Giáo viên tổ chức học sinh quan sát, trao đổi, nêu cách thực hành theo cảm nhận. Có thể tổ chức học sinh làm việc cá nhân/nhóm.

– Giáo viên mời học sinh trả lời, chia sẻ; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét trả lời, chia sẻ, bổ sung của học sinh.

– Giáo viên trực tiếp hướng dẫn học sinh cách đan nong mốt hoặc trình chiếu (sử dụng hình minh hoạ trong sách giáo khoa) theo các bước sau:

+ Chuẩn bị: giấy màu có màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt theo ý thích.

+ Bước 1: Cắt một khổ giấy hình chữ nhật, kích thước khoảng 10 cm × 15 cm và gấp đôi lại. Dùng thước, bút chì kẻ đường thẳng (ngang), song song với nếp gấp, cách đầu mép giấy khoảng 2,5 – 3 cm (hoặc rộng hơn), tiếp tục kẻ các đường thẳng (dọc) vuông góc với mép giấy và nếp gấp, mỗi nét cách nhau khoảng 1,5 – 2 cm (có thể hẹp hoặc rộng hơn).

Lưu ý: *Giáo viên nhắc học sinh cắt khổ giấy không nên dài rộng quá (mục đích chính là tập đan và biết được cách đan). Có thể cắt tạo khổ giấy hình: vuông, tròn, tam giác, trái tim, bông hoa, quả, con vật,... sau khi đan sẽ có sản phẩm thú vị hơn hoặc sử dụng lá cây khô và cắt thêm nan giấy để đan. Ví dụ: Sản phẩm số 1 của bạn Thái Hoà (tr.11 SGK) đã kết hợp lá cây với giấy màu để đan tạo chiếc quạt.*

+ Bước 2: Tạo các nan trên khổ giấy và nan rời bằng cách dùng kéo cắt theo các đường kẻ vuông góc trên khổ giấy đến sát đường kẻ ngang để tạo các nan giấy. Tiếp đến, cắt các tờ giấy đã chọn thành các nan giấy rời, có chiều rộng nhỏ hơn hoặc bằng các nan giấy đã cắt ở khổ giấy, chiều dài tương đương chiều rộng của khổ giấy ở Bước 1.

+ Bước 3: Lần lượt lấy một nan rời, đan vào các nan đã cắt trên khổ giấy (như hình minh hoạ, tr.10 SGK) cho đến khi kín nan trên khổ giấy, có thể cắt phần thừa ở các nan đan và hoàn thành sản phẩm. Giáo viên nên minh hoạ đan ít nhất ba nan trên khổ giấy và nhấn mạnh thứ tự lên, xuống của mỗi nan và giữa các nan (Giáo viên có thể mời học sinh lên thực hành trải nghiệm).

Lưu ý: *Giáo viên gợi mở học sinh có thể đan các nan theo thứ tự: màu đậm, màu đậm vừa, màu nhạt hoặc đan màu sắc với thứ tự theo ý thích.*

c. Gợi ý mở rộng

Giáo viên có thể giới thiệu thêm sản phẩm có hình dạng, hình ảnh, kích thước và vật liệu khác nhau, như: giấy, lá cây, vải, mây tre đan, nilon,... thể hiện rõ độ đậm, nhạt trên sản phẩm.

2.1.2. Tạo hình khung tranh, ảnh (tr.11 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh nắm được cách tạo khung tranh, ảnh bằng vật liệu có màu đậm, màu nhạt.

b. Gợi ý thực hiện

– Giáo viên tổ chức học sinh quan sát, trao đổi, nêu cách thực hành theo cảm nhận.

– Giáo viên mời học sinh trả lời, chia sẻ; học sinh khác nhận xét, bổ sung.

– Giáo viên nhận xét câu trả lời, chia sẻ, bổ sung của học sinh.

– Giáo viên trực tiếp thị phạm cách thực hành hoặc trình chiếu (sử dụng hình minh hoạ trong sách giáo khoa) để hướng dẫn học sinh theo các bước sau:

+ Chuẩn bị: vật liệu có màu đậm, màu nhạt, như: sợi len, sợi vải, sợi đay, giấy màu, bìa giấy,...

+ Bước 1: Xác định bìa giấy/giấy màu để tạo khung, cắt 4 khổ giấy, chiều rộng khoảng 3 cm (có thể rộng hoặc hẹp hơn), chiều dài theo ý thích hoặc theo kích thước sẵn có của bìa giấy.

+ Bước 2: Xếp 4 khổ giấy thành hai cặp: ngang và dọc, dùng hồ dán (hoặc băng dính hai mặt) dán cố định theo từng cặp ở 4 góc để tạo khung. Chuẩn bị một tờ giấy (có màu hoặc không màu) tương ứng với kích thước khung và cắt thêm một số hình để trang trí. Ví dụ: hình chấm/tròn, hình vuông, hình tam giác, hình trái tim,...

+ Bước 3: Dán tờ giấy vừa chuẩn bị vào phía sau khung làm nền lót cho khung. Dán các hình vừa cắt để trang trí cho khung. Dùng sợi dây, buộc hai góc khung để có thể treo trên tường (giáo viên hướng dẫn học sinh tạo đế cho khung nếu đặt trên bàn).

Lưu ý:

– Nên dùng bìa giấy hoặc bìa carton để tạo sự chắc chắn cho khung.

– Có thể dựa vào kích thước ảnh hoặc tấm thiệp, bức tranh (cỡ nhỏ) đã chuẩn bị để tạo kích thước khung phù hợp.

c. Gợi ý mở rộng

– Học sinh có thể tạo khung có dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình elip,... bằng các vật liệu như: que kem, ống hút, cành cây, giấy báo cuộn/gấp,... (nên kết hợp giới thiệu hình ảnh hoặc nguyên mẫu).

– Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu mục *Một số sản phẩm tham khảo* và mục *Vận dụng* (tr.12 SGK).

2.2. Thực hành, sáng tạo sản phẩm

a. Mục tiêu

Học sinh tạo được sản phẩm bằng cách đan nong mốt (hoặc cắt, dán,... tạo khung tranh, ảnh) và tập trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

b. Gợi ý dạy học

Giáo viên có thể tổ chức học sinh tạo sản phẩm cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

– Giáo viên bố trí học sinh ngồi theo nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Xác định cách thực hành (đan nong mốt hoặc làm khung tranh, ảnh) để tạo sản phẩm theo ý thích.

+ Trao đổi, chia sẻ với bạn về ý tưởng thực hành của mình, tìm hiểu ý tưởng thực hành của bạn, như: lựa chọn màu sắc, vật liệu, cách thực hành, sử dụng sản phẩm vào đời sống,...

– Giáo viên nhắc học sinh: chọn vật liệu có độ đậm, nhạt khác nhau để thực hành; sử dụng kéo, vật liệu dạng que,... an toàn và giữ vệ sinh trong thực hành.

– Giáo viên quan sát học sinh thực hành, trao đổi để hướng dẫn, giải thích, gợi mở hoặc hỗ trợ học sinh (nếu cần) và vận dụng vào đánh giá thường xuyên.

c. Gợi ý mở rộng

– Có thể kết hợp, sắp xếp,... các sản phẩm đan nong mốt để tạo thành sản phẩm theo chủ đề như: bức tranh, ngôi nhà (ít tầng, nhiều tầng), khu phố, giỏ trái cây, con vật,...

– Có thể cho vào khung: sản phẩm đan nong mốt hoặc ảnh cắt từ sách, báo (người, phong cảnh, con vật, hoa, quả, đồ vật,...) kết hợp giới thiệu hình ảnh hoặc nguyên mẫu.

3. Cảm nhận, chia sẻ (tr.12 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh trưng bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

b. Gợi ý dạy học

– Hướng dẫn học sinh trưng bày sản phẩm phù hợp với lớp học.

– Giáo viên nên sử dụng một số gợi ý trong sách giáo khoa và kết hợp sản phẩm của học sinh để gợi mở nội dung học sinh giới thiệu, trao đổi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận.

– Giáo viên nhận xét học sinh thực hiện nhiệm vụ, nội dung chia sẻ và kết quả thực hành (chuẩn bị đồ dùng, trao đổi, thực hành,...), khích lệ, động viên,... cá nhân/nhóm học sinh.

c. Gợi ý mở rộng

– Giáo viên gợi mở học sinh chia sẻ ý tưởng hoặc mong muốn tạo sản phẩm khác/ bằng cách khác.

– Gợi nhắc học sinh: có nhiều nghề thủ công như: nghề đan (mây, tre), nghề dệt (sợi len, sợi đay,...), nghề gốm (đồ chơi, đồ gia dụng, đồ trang trí,...). Mỗi nghề đều sử dụng những nguồn vật liệu khác nhau, trong đó phổ biến là vật liệu như: mây, tre, đất sét, cành cây, lá/thân cây,... Sản phẩm được tạo ra từ các nghề thủ công có nhiều ứng dụng trong đời sống. Do vậy, tìm hiểu và tham gia nghề thủ công là góp phần phát triển nghề truyền thống của quê hương, đất nước.

4. Vận dụng (tr.12 SGK)

a. Mục tiêu

Học sinh biết được có nhiều cách sử dụng sản phẩm vào đời sống và cách đan khác.

b. Gợi ý dạy học

– Tổ chức học sinh quan sát hình ảnh (tr. 12 SGK) và trả lời câu hỏi; gợi mở học sinh nhận ra cách đan khác và giới thiệu một số cách sử dụng sản phẩm vào đời sống, liên hệ với sản phẩm vừa tạo được (dùng để trang trí góc học tập, tặng bạn, người thân,...).

– Nhận xét, tổng kết bài học, kết hợp sử dụng câu kết luận (tr.12 SGK).

c. Gợi ý mở rộng

– Nếu thời gian cho phép, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh cách đan nong đôi.

– Giáo viên tham khảo gợi ý thực hiện nội dung *Đối với hoạt động Vận dụng*, tr.24 SGV sao cho phù hợp với thực tiễn dạy học.

– Giáo viên gợi mở nội dung và hướng dẫn học sinh chuẩn bị đồ dùng, vật liệu cho Bài 3.

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3
Cánh Diều

1. Tiếng Việt 3 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 3 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 3
4. Tự nhiên và Xã hội 3
5. Tin học 3
6. Công nghệ 3
7. Giáo dục thể chất 3
8. Âm nhạc 3
9. Mĩ thuật 3
10. Hoạt động trải nghiệm 3
11. Tiếng Anh 3 Explore Our World

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 3 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC

SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web
để truy cập website bộ sách Cánh Diều:
www.hoc10.com

ISBN: 978-604-54-9942-9